

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA VANG  
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/03/2025.

V/v: Ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Phạm Phú Đạt**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Cao Văn Truệ**.

Ông **Tán Nghị**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Lê Thị Ly** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Nguyễn Duy Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 149/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2025; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Thôn Hòa Khương Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Nguyễn N**, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn Hòa Khương Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do chồng tôi thường xuyên rượu chè, cờ bạc. Tôi đã nhiều lần ngăn cản, tha thứ nhưng ông N không từ bỏ. Nay tôi xác định vợ chồng không còn tình cảm gì với nhau nữa, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn N.

- Về quan hệ con chung: Tôi và ông Nguyễn N có 03 con chung là: Nguyễn Thị Cẩm Nh, sinh ngày 01/4/2006; Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2007 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 26/6/2012. Trường hợp Tòa án cho ly hôn, tôi có nguyện vọng được

tiếp trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Duy H và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Cẩm Nh đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***\* Tòa án đã triệu tập và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn N nhưng ông N không đến làm việc nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.***

\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng những quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn vi phạm các nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

\* Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B. Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn ông Nguyễn N. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Duy H cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí HNGĐST: Bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B khởi kiện bị đơn ông Nguyễn N về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại thôn Hòa Khương Đông, xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, tranh chấp về hôn nhân gia đình này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông N.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông N kết hôn vào năm 2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Bà B xác định nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do ông N thường xuyên rượu chè, cờ bạc và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà B xác định không còn tình cảm với ông N nên đề nghị Tòa án cho ly hôn. HĐXX xét thấy: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng để ông N thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên hòa giải nhưng ông N không đến

làm việc. Điều này thể hiện ông N không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn tại địa phương kết quả thể hiện: *“Trong quá trình sống chung, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, ông N thường xuyên uống rượu rồi xảy ra cãi vã và hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau”*. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông N, bà B đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn N.

[2.2] Về con chung: Bà B có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Duy H và không yêu cầu ông N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy rằng: Khi quyết định việc giao con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng cần xem xét đầy đủ các điều kiện vì sự phát triển toàn diện của con chung. Theo đó, cháu Nguyễn Thị Cẩm V hiện nay đã gần đủ 18 tuổi, cháu Nguyễn Duy H là 11 tuổi và đều có nguyện vọng ở với mẹ. Theo thông tin địa phương cung cấp sau khi Tòa án thụ lý vụ án, ông N đã bỏ đi khỏi địa phương, các con hiện nay đang ở ngôi nhà chung của ông N và bà B xây dựng trên đất của cha mẹ ông N. Bà B là người trực tiếp chăm lo nuôi dưỡng cho các con chung. Do đó, HĐXX xét thấy cần thiết giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, Nguyễn Duy H cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. ông Nguyễn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Nguyễn Thị Cẩm Nh đã đủ 18 tuổi nên HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đề cập.

[3] Án phí Hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, 227, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Nguyễn N về việc *“Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”*.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn N.
2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 07/9/2007 và Nguyễn Duy H, sinh ngày 26/6/2012 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn N không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí HNGĐ-ST là: 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002086 ngày 28/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Nhơn;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Phú Đạt**



